



Bài báo nghiên cứu

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG ĐÀO TẠO SINH VIÊN, HỌC VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC - TRƯỜNG HỢP CÁC HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT

Trịnh Cam Ly

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Trịnh Cam Ly – Email: tcl180678@gmail.com

Ngày nhận bài: 21-01-2026; Ngày nhận bài sửa: 10-02-2026; Ngày duyệt đăng: 27-02-2026

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) cùng với tiến trình số hóa giáo dục đã tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với hoạt động đào tạo giáo viên (GV). Đối với sinh viên (SV), học viên (HV) ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH), đặc biệt trong các học phần liên quan tới Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt, việc tiếp cận và vận dụng AI không chỉ hỗ trợ đổi mới hình thức tổ chức dạy học mà còn góp phần hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp gắn với năng lực số. Bài báo tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về AI và đề xuất một số hình thức vận dụng AI trong tổ chức hoạt động học tập và thực hành nghề nghiệp thông qua thiết kế các sản phẩm học tập như poster, photobook, infographic, slide với sự hỗ trợ của các công cụ AI (Canva, PrepiK, Prezi, Kling AI, Gamma, Mentimeter). Những đề xuất này nhằm tăng cường trải nghiệm học tập, thúc đẩy phát triển năng lực số và nâng cao khả năng vận dụng công nghệ trong dạy học, nghiên cứu môn Tiếng Việt của SV và HV cao học.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo; giáo dục tiểu học; môn Tiếng Việt

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tác động sâu rộng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu của hầu hết các lĩnh vực xã hội, trong đó giáo dục giữ vai trò then chốt. Giáo dục không chỉ đáp ứng yêu cầu thích ứng với chuyển đổi số mà còn có trách nhiệm dẫn dắt quá trình này thông qua việc hình thành nguồn nhân lực có năng lực số phù hợp. Ở bình diện chiến lược, Nghị quyết số 52-NQ/TW (27/9/2019) của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đặt nền tảng cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia, nhấn mạnh vai trò của phát triển kinh tế số và nguồn nhân lực số (Politburo, 2019). Tiếp nối và cụ thể hóa yêu cầu ở tầm cao hơn, Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa

Cite this article as: Trinh, C. L. (2026). Applying artificial intelligence in primary teacher education: Evidence from Vietnamese language teaching methodology courses. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(2), 371-384. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.2.5517\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.2.5517(2026))

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tiếp tục khẳng định chuyển đổi số là yếu tố mang tính đột phá, đồng thời đặt ra yêu cầu xây dựng môi trường học tập số, phổ cập tri thức số và nâng cao năng lực số trong toàn xã hội, qua đó xác định rõ trách nhiệm của ngành giáo dục trong việc trang bị năng lực số cho người học ở tất cả các cấp học. (Politburo, 2024)

Trên cơ sở những định hướng chiến lược đó, chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện quá trình đào tạo GV theo hướng tích hợp công nghệ và phát triển năng lực số cho người học. Trong bối cảnh này, trí tuệ nhân tạo (AI), với khả năng xử lý dữ liệu, hỗ trợ cá nhân hóa học tập và thiết kế học liệu, đang ngày càng được quan tâm và ứng dụng trong giáo dục nói chung cũng như trong đào tạo GV nói riêng. Các tài liệu quốc tế như *Đồng thuận Bắc Kinh về AI và Giáo dục* (UNESCO, 2019), *Khuyến nghị về Đạo đức AI* (UNESCO, 2021) và *Tài liệu hướng dẫn về AI trong giáo dục* (UNESCO, 2023) đều thống nhất quan điểm tiếp cận AI lấy con người làm trung tâm, coi AI là công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời nhấn mạnh các nguyên tắc về đạo đức, trách nhiệm và tính minh bạch trong quá trình sử dụng AI trong giáo dục.

Khung năng lực số cho người học được ban hành kèm Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT bao gồm 6 miền năng lực như sau: *khai thác dữ liệu và thông tin* (khả năng tìm kiếm, lọc, đánh giá và quản lý dữ liệu, các kỹ năng xác định nguồn thông tin đáng tin cậy, tổ chức dữ liệu hiệu quả, sử dụng để giải quyết vấn đề trong môi trường số...); *giao tiếp và hợp tác trong môi trường số* (nhấn mạnh khả năng sử dụng công nghệ số tương tác, chia sẻ thông tin, làm việc nhóm, tham gia các cộng đồng trực tuyến; bao gồm các kỹ năng giao tiếp hiệu quả qua các kênh số, tôn trọng đa dạng văn hóa, quản lý danh tính...); *sáng tạo nội dung số* (tạo và chỉnh sửa, chia sẻ nội dung số; bao gồm các kỹ năng như phát triển nội dung mới, áp dụng bản quyền và giấy phép, tích hợp kiến thức từ nhiều nguồn...); *an toàn* (bảo vệ dữ liệu, thiết bị, sức khỏe và môi trường số; các kỹ năng như bảo mật thông tin cá nhân, quản lý rủi ro mạng, sử dụng công nghệ an toàn, bảo đảm sức khỏe khi tương tác trong môi trường số...); *giải quyết vấn đề* (khả năng tư duy phản biện và sáng tạo để phân tích và giải quyết các vấn đề trong môi trường số; bao gồm các kỹ năng như khắc phục sự cố, học hỏi công nghệ mới, điều chỉnh nhu cầu số để đạt được mục tiêu...); *ứng dụng trí tuệ nhân tạo* (hiểu và sử dụng, đánh giá các công cụ, hệ thống AI có đạo đức và trách nhiệm; gồm các kỹ năng như nhận biết cách AI hoạt động, áp dụng vào các nhiệm vụ thực tiễn, đánh giá tác động đạo đức AI, sử dụng một cách minh bạch, công bằng và có trách nhiệm). (Ministry of Education and Training, 2025)



Hình 1. Khung năng lực số

Từ 6 miền năng lực (Hình 1) được nêu trong Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT, có thể thấy thực trạng SV, HV ngành GDTH thường xuyên sử dụng AI để tìm kiếm, khai thác các thông tin, dữ liệu đơn giản cho việc học tập và nghiên cứu, trong khi các năng lực còn lại như sáng tạo nội dung số mang tính sư phạm, giải quyết các vấn đề trong môi trường số và đánh giá, kiểm soát sản phẩm do AI tạo ra còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu và ứng dụng AI trong đào tạo SV, HV ngành GDTH, cụ thể trong các học phần, chuyên đề *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt*, có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lí luận và thực tiễn. Nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ vai trò của AI trong hỗ trợ tổ chức hoạt động học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp cho SV, HV mà còn hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo GV tiểu học, đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong kỉ nguyên số.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trong bài báo là vận dụng các công cụ AI tích hợp như Canva, Prezi, Gamma, Mentimeter, Kling AI... để hỗ trợ GV trong công tác đào tạo SV, HV. Bài viết sử dụng *phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu* nhằm hệ thống hóa các quan điểm lí luận về AI, ứng dụng AI trong giáo dục và năng lực số; *phương pháp phân tích thực tiễn* đào tạo SV, HV ngành GDTH trong các học phần, chuyên đề *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt*; *phương pháp lựa chọn các công cụ số tích hợp AI phù hợp* trong tổ chức hoạt động thực hành nghề nghiệp trên đối tượng SV, HV chuyên ngành GDTH.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Một số vấn đề về trí tuệ nhân tạo trong đào tạo SV, HV ở các học phần *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt*

- *AI*: AI là việc phát triển các hệ thống máy móc có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, AI tạo sinh (Generative Artificial Intelligence hay còn gọi là Gen AI) là một lĩnh vực thuộc AI tập trung vào việc tạo ra dữ liệu mới, có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh, hoặc video, mã nguồn lập trình dựa trên dữ liệu đầu vào đã được huấn luyện trước đó (Ministry of Education and Training, 2025). Các công cụ AI được chia thành hai nhóm cơ bản:

Nhóm 1: Ứng dụng AI chuyên biệt – là các hệ thống hoạt động chủ yếu dựa trên nền tảng AI tạo sinh có khả năng xử lí ngôn ngữ tự nhiên và các nội dung học thuật như Chat

GPT, Gemini, Deepseek... Các ứng dụng trên hỗ trợ người dùng tra cứu các thông tin, học liệu... phục vụ trong công việc và học tập.

Nhóm 2: Công cụ số tích hợp AI – là nền tảng, tính năng hỗ trợ dạy học, trong đó AI chỉ là tính năng bổ trợ (gợi ý nội dung, tạo hình ảnh, tự động hóa thiết kế sản phẩm,...) như Canva, Prezi, Mentimeter... Các công cụ số trên thường được sử dụng trong thiết kế các bài báo cáo từ đơn giản đến phức tạp với các mức độ theo yêu cầu của người dùng.

- *AI trong giáo dục:* AI là ngành khoa học máy tính nghiên cứu các hệ thống có khả năng học tập, phân tích, nhận dạng và đưa ra quyết định tương tự con người. Trong giáo dục, AI được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như cá nhân hóa việc học, phân tích dữ liệu học tập, hỗ trợ đánh giá và giảng dạy ngôn ngữ (Luckin et al., 2016). Công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên và nhận diện giọng nói (speech recognition) cho phép AI tương tác trực tiếp với người học, ghi nhận phát âm, phân tích lỗi và đưa ra phản hồi tức thì. Điều này mở ra nhiều triển vọng trong việc dạy học ngôn ngữ, đặc biệt là rèn luyện kỹ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học (Nguyen & Pham, 2022). Bên cạnh đó, UNESCO (2021) cũng nhấn mạnh rằng AI trong giáo dục nếu được khai thác hợp lý có thể giúp tăng cường tính công bằng, hỗ trợ học sinh yếu thế và mở rộng cơ hội học tập cá nhân hóa. Theo UNESCO (2019; 2021), việc ứng dụng AI trong giáo dục cần được triển khai theo hướng lấy con người làm trung tâm, trong đó GV giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng, kiểm soát và sử dụng AI một cách có trách nhiệm. AI được xem là công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả dạy học, chứ không thay thế vai trò sư phạm của người dạy.

- *Vai trò của AI trong đào tạo SV, HV ngành GDTH:* Trong đào tạo SV và HV ngành GDTH, AI giữ vai trò là công cụ hỗ trợ quan trọng góp phần mở rộng không gian, hình thức và phương thức học tập theo hướng linh hoạt, cá nhân hóa và giàu trải nghiệm. Thông qua các ứng dụng AI, người học có điều kiện tiếp cận và mô phỏng các nhiệm vụ nghề nghiệp của GV tiểu học trong những bối cảnh gần với thực tiễn, từ đó từng bước hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập và bồi dưỡng chuyên môn. Việc vận dụng AI hỗ trợ người học trong các khâu như tìm kiếm và xử lý thông tin, thiết kế học liệu, xây dựng sản phẩm học tập và phân tích tình huống sư phạm, giúp quá trình học tập trở nên hiệu quả và có chiều sâu hơn. Đồng thời, AI tạo điều kiện cho việc cá nhân hóa lộ trình học tập, đáp ứng sự khác biệt về trình độ, nhu cầu và kinh nghiệm nghề nghiệp giữa SV và HV. Thông qua các gợi ý của GV kết hợp với hệ thống phản hồi từ AI, người học có thể tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, điều chỉnh chiến lược học tập và nâng cao chất lượng sản phẩm học tập của mình.

Bên cạnh đó, việc đưa AI vào đào tạo GV tiểu học không chỉ nhằm trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn hướng tới hình thành tư duy sư phạm số cho SV và HV. Thông qua quá trình trải nghiệm và vận dụng AI trong các học phần chuyên môn và hoạt động thực hành nghề nghiệp, người học được rèn luyện khả năng lựa chọn, khai thác và kiểm soát công nghệ một cách có định hướng sư phạm, phù hợp với đặc thù tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Đối với HV, AI còn hỗ trợ quá trình nghiên cứu, thiết kế học liệu và đổi mới phương pháp dạy học dựa trên bằng chứng. Đây là nền tảng quan trọng giúp đội ngũ GV tương lai và GV đang công tác sẵn sàng thích ứng với môi trường giáo dục số, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng GV tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- *Ứng dụng AI trong đào tạo SV, HV ngành GDTH ở các học phần, chuyên đề Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt*: Đối với SV, các học phần *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt* ở tiểu học là một học phần cốt lõi được đào tạo cho SV năm thứ 3, 4 (tùy vào chương trình đào tạo của từng trường) chuyên ngành GDTH hoặc GDTH (đào tạo bằng tiếng Anh). Thông qua học phần, SV nắm được các mục tiêu, quan điểm của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn; những cơ sở khoa học, nội dung dạy học thông qua sách giáo khoa và các nguyên tắc, phương pháp, kỹ thuật dạy học đặc trưng trong môn Tiếng Việt; các phương pháp dạy học đọc, viết, nói và nghe, từ và câu.

Đối với HV, chuyên đề *Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt* là một học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế nhằm phát triển năng lực vận dụng, đánh giá và cải tiến hoạt động dạy học Tiếng Việt ở tiểu học trên cơ sở các lý thuyết dạy học hiện đại. Khác với đào tạo bậc đại học thiên về hình thành kỹ năng nghề nghiệp ban đầu, chương trình cao học hướng tới nâng cao năng lực chuyên môn sâu, năng lực phân tích – phản tư và năng lực thiết kế, tổ chức dạy học phù hợp với các bối cảnh đa dạng của nhà trường tiểu học. Theo chuẩn đầu ra (CĐR) của chuyên đề, HV không chỉ cần nắm vững khái niệm, đặc trưng và quy trình vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt, mà còn phải có khả năng thiết kế, triển khai và đánh giá các hoạt động rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, cũng như các nội dung về từ và câu trong những điều kiện dạy học cụ thể. Trên cơ sở đó, việc tích hợp AI vào chuyên đề không chỉ nhằm hỗ trợ kỹ thuật trình bày hay thiết kế học liệu, mà còn phục vụ trực tiếp cho yêu cầu phát triển tư duy sư phạm ở trình độ SĐH. Trong quá trình tổ chức chuyên đề, AI được khai thác như một công cụ hỗ trợ HV phân tích bài học, xây dựng kế hoạch dạy học, mô phỏng các phương án tổ chức hoạt động và đánh giá tác động sư phạm của các phương pháp, kỹ thuật đã lựa chọn. Các công cụ như Gamma, Prezi, Kling AI hoặc các nền tảng AI tạo sinh được sử dụng để hỗ trợ HV xây dựng slide, poster, infographic và các sản phẩm trình bày học thuật, qua đó giúp trực quan hóa lập luận, hệ thống hóa nội dung và làm rõ các quyết định sư phạm trong thiết kế bài dạy.

Trong các học phần và chuyên đề này, AI được tích hợp như một công cụ hỗ trợ thiết kế, trình bày và phân tích hoạt động dạy học. SV và HV được hướng dẫn sử dụng các công cụ số có tích hợp AI như Canva, Prezi, Gamma, Mentimeter, Kling AI... để xây dựng các sản phẩm học tập phục vụ cho các nhiệm vụ như phân tích bài học, xây dựng kế hoạch dạy học và báo cáo kết quả thảo luận. Qua đó, người học không chỉ phát triển kỹ năng thiết kế học liệu mà còn rèn luyện năng lực đánh giá, điều chỉnh và sử dụng sản phẩm do AI tạo ra dưới góc độ sư phạm, góp phần gắn kết lý luận với thực tiễn dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

3.2. Nguyên tắc ứng dụng AI trong đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

3.3.1. Nguyên tắc

Ứng dụng AI trong giảng dạy các học phần, chuyên đề về các *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt* cho SV, HV ngành GDTH cần được thực hiện trên cơ sở những nguyên tắc khoa học nhằm bảo đảm AI đóng vai trò là công cụ hỗ trợ, không thay thế vai trò của GV và hoạt động học tập chủ động của SV, HV: *Thứ nhất, nguyên tắc bảo đảm mục tiêu đào tạo GV tiểu học*: Việc sử dụng AI phải xuất phát từ mục tiêu của chương trình đào tạo, mục tiêu của từng học phần và yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp GV tiểu học. AI chỉ được lựa chọn và vận dụng khi thực sự góp phần hỗ trợ SV, HV đạt được các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực, tránh tình trạng sử dụng công nghệ mang tính hình thức hoặc chạy theo xu hướng. *Thứ hai, nguyên tắc lấy người học làm trung tâm*: Trong quá trình học tập, SV, HV cần được khuyến khích sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ, từ đó phát triển khả năng tự học, tự đánh giá và phản tư nghề nghiệp. *Thứ ba, nguyên tắc kết hợp giữa công nghệ và định hướng sư phạm của GV*: GV giữ vai trò định hướng, kiểm soát và điều chỉnh việc sử dụng AI trong quá trình đào tạo, bảo đảm AI được sử dụng đúng mục đích sư phạm và phù hợp với trình độ của SV và HV. *Thứ tư, nguyên tắc bảo đảm đạo đức, trách nhiệm và minh bạch trong sử dụng AI*: Việc sử dụng AI trong đào tạo GV, nghiên cứu viên cần tuân thủ các khuyến nghị về đạo đức AI trong giáo dục, bảo đảm tính minh bạch, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và tránh lạm dụng AI trong học tập và đánh giá (UNESCO, 2021).

3.3.2. Hình thức ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo SV, HV ngành GDTH qua các học phần *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt*

Trong quá trình đào tạo SV và HV ngành GDTH, đặc biệt, ở các học phần về *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt*, GV cần chủ động trao đổi với các thành viên trong Bộ môn để xây dựng phương án vận dụng các ứng dụng, công cụ số có tích hợp AI; trên cơ sở đó, trình lãnh đạo Khoa để xem xét và phê duyệt trước khi triển khai trong khung đào tạo CĐR. Với sự phát triển của công nghệ số, AI có thể hỗ trợ GV trong các yêu cầu: SV, HV thiết kế các sản phẩm học tập như: photobook, poster, infographic, slide... thông qua các công cụ AI hỗ trợ (Gamma, Canva, Prezi, Kling AI, Chat GPT...) nhằm trình bày kết quả thực hành một cách khoa học và sáng tạo. Ngoài ra, GV sử dụng công cụ, tương tác, khuyến khích SV, HV phản hồi, đặt câu hỏi, nhận xét (môi trường giao tiếp mở) như công cụ Mentimeter.

Mỗi học phần trong chương trình đào tạo GV tiểu học có những mục tiêu riêng đối với hoạt động thực hành nghề nghiệp, do đó việc lựa chọn thời điểm và hình thức vận dụng AI cần được điều chỉnh linh hoạt, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù nội dung của từng học phần và chuyên đề.

3.3.3. Quy trình tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo SV, HV ngành GDTH

Quy trình tổ chức hoạt động có ứng dụng các phần mềm, công cụ số có tích hợp AI cho SV và HV ngành GDTH gồm các bước sau:

Bước 1. Xác định tên học phần, chuyên đề và mục tiêu môn học, năng lực cần hình thành cho SV và HV

- Xác định rõ mục tiêu của chương trình đào tạo ĐH, SDH và mục tiêu cụ thể của học phần phụ trách, trên cơ sở CDR và yêu cầu năng lực nghề nghiệp của GV tiểu học. Việc phân tích nội dung học phần giúp GV làm rõ những năng lực nghề nghiệp cần được hình thành và phát triển cho SV, HV thông qua hoạt động thực hành, như năng lực tổ chức dạy học, xử lý tình huống sư phạm, giao tiếp và ứng xử nghề nghiệp. Đây là cơ sở quan trọng để định hướng việc lựa chọn và tích hợp AI vào các hoạt động thực hành nghề nghiệp một cách phù hợp, tránh vận dụng AI mang tính hình thức hoặc không gắn với mục tiêu đào tạo.

- Lựa chọn, giao các nhiệm vụ học tập cho SV, HV hoặc tổ chức dưới hình thức nhóm.

+ GV khảo sát nội dung bài giảng và chuẩn bị các yêu cầu về hình thức sản phẩm học tập mà SV, HV cần thực hiện.

+ Dự kiến số lượng nhóm và các yêu cầu kèm theo: các hướng dẫn, nội quy khi thực hiện sản phẩm học tập.

Bước 2. Thiết kế hoạt động thực hành có ứng dụng AI

GV hướng dẫn người học lựa chọn các công cụ AI để thiết kế sản phẩm học tập như poster, photobook, infographic, slide. Trong quá trình này, SV và HV được hướng dẫn xây dựng kịch bản, câu lệnh (prompt) và lựa chọn công cụ AI phù hợp nhằm phục vụ mục tiêu học tập. Cụ thể hóa các thao tác như sau:

+ GV giao các nhiệm vụ, phân chia nhóm thảo luận (số lượng, thành viên các nhóm phụ thuộc theo yêu cầu nhiệm vụ).

+ Đăng tải các thông tin về hình thức (poster, photobook, infographics...), quy định sản phẩm lên nền tảng mạng xã hội (facebook, zalo), một số công cụ (notion, padlet...) và hệ thống quản lý học tập (classroom).

+ GV thông báo và triển khai về bộ tiêu chí sản phẩm học tập.

+ Các nhóm nhận nhiệm vụ và thảo luận nhóm (ý tưởng, phân chia nhiệm vụ...) trong một tiết học và nộp ý tưởng cho GV nắm thông tin.

+ Các nhóm hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu về thời gian đã quy định.

Bước 3. Tổ chức cho SV và HV thực hành, trải nghiệm và tương tác với công cụ AI

SV và HV tiến hành thực hành thiết kế sản phẩm học tập dưới sự hỗ trợ của AI, đồng thời tương tác, điều chỉnh và đánh giá các sản phẩm do AI đề xuất.

Bước 4. Đánh giá, phản hồi và điều chỉnh. GV và SV, HV cùng tham gia đánh giá sản phẩm học tập dựa trên các tiêu chí đã xác định.

Bảng 1. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Mô tả ngắn gọn	Mức độ đạt
1. Phù hợp với mục tiêu học tập	SV, HV sử dụng công cụ AI phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ/học phần, không lạm dụng AI.	Chưa đạt/ Đạt/ Tốt
2. Khả năng lựa chọn công cụ AI	SV, HV biết lựa chọn công cụ số dưới sự hỗ trợ của AI phù hợp (Gamma, Canva, Prezi, Kling AI, Prepik...) cho từng loại sản phẩm học tập.	Chưa đạt/ Đạt/ Tốt
3. Hiệu quả sử dụng AI	Sử dụng hiệu quả trong thiết kế nội dung, hình ảnh, bố cục, hỗ trợ trình bày sản phẩm rõ ràng, trực quan.	Chưa đạt/ Đạt/ Tốt
4. Mức độ chủ động và kiểm soát AI	SV, HV biết điều chỉnh, chọn lọc và kiểm soát đầu ra của AI, không phụ thuộc hoàn toàn vào công cụ.	Chưa đạt/ Đạt/ Tốt
5. Giá trị sư phạm của sản phẩm	Sản phẩm học tập có tính sư phạm, phù hợp bối cảnh dạy học, có khả năng ứng dụng vào thực tiễn.	Chưa đạt/ Đạt/ Tốt

3.3.4. Ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo vào các học phần Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học

Trên cơ sở các quy trình chung đã được đề xuất, chúng tôi tiến hành vận dụng AI vào tổ chức hoạt động đào tạo cho SV, HV ngành GDTH ở các học phần, chuyên đề trong đào tạo ĐH và SDH theo các nội dung cụ thể sau:

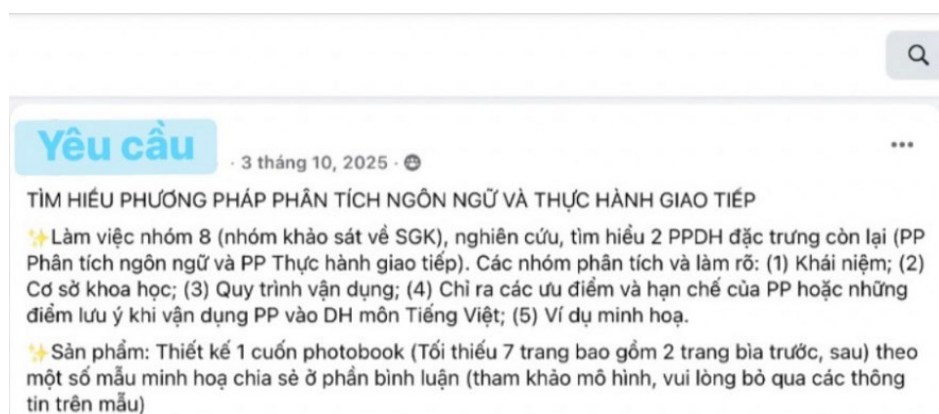
(1) Tổ chức cho SV và HV thiết kế các sản phẩm học tập có ứng dụng các công cụ AI

• *Đối với SV:* Trong học phần *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học*, GV tổ chức cho SV thiết kế các sản phẩm học tập dưới sự hỗ trợ của các công cụ AI nhằm gắn nội dung lí luận với thực hành nghề nghiệp. Các sản phẩm được lựa chọn theo hướng đa dạng về hình thức và phù hợp với đặc thù dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, như poster, photobook, infographic, phục vụ cho các nhiệm vụ học tập như phân tích bài học, xây dựng kế hoạch dạy học, xử lí tình huống sư phạm hay báo cáo kết quả thảo luận nhóm. Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm minh hoạ bằng học phần *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1* vào thời điểm giảng dạy *Chương 2. Những vấn đề chung về phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học* với các yêu cầu như sau:

Yêu cầu: Ứng dụng một số công cụ số có tích hợp AI để thiết kế 01 cuốn photobook với các yêu cầu:

Yêu cầu về nội dung	Làm việc theo nhóm 8 thành viên, nghiên cứu, tìm hiểu 2 phương pháp dạy học đặc trưng còn lại (Phương pháp Phân tích ngôn ngữ và Phương pháp Thực hành giao tiếp). Các nhóm phân tích và làm rõ: (1) Khái niệm; (2) Cơ sở khoa học; (3) Quy trình vận dụng; (4) Chỉ ra các ưu điểm và hạn chế của phương pháp hoặc những điểm lưu ý khi vận dụng phương pháp vào dạy học môn Tiếng Việt; (5) Ví dụ minh hoạ.
Yêu cầu về hình thức sản phẩm và một số lưu ý	- Sản phẩm cần ứng dụng một số công cụ AI để thiết kế: 01 cuốn photobook (Tối thiểu 10 trang bao gồm 2 trang bìa trước, sau). - Sản phẩm đảm bảo các hình thức trình bày cần đồng nhất cỡ chữ, kiểu chữ, các hình, sơ đồ, bảng biểu...

	<p>* <i>Gợi ý hình thức sản phẩm photobook:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang đầu: Tên học phần, tên nhóm, các hình ảnh thảo luận nhóm... - Trang cuối kèm theo một mã QR để truy cập bản điện tử. - Sản phẩm nộp: file điện tử, bản in khổ A4 đóng thành dạng sách.
Gợi ý một số công cụ AI hỗ trợ thiết kế sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Canva (Thiết kế khung, mẫu photobook, các biểu tượng) - Prezi (Thiết kế khung, mẫu photobook, các biểu tượng) - KlingAI (Thiết kế hình ảnh minh họa)
Thời gian thực hiện và hoàn thành sản phẩm	01 tuần



Hình 2. Yêu cầu sản phẩm học tập được đăng tải trên nhóm lớp

• Đối với HVCH: Trong nội dung chuyên đề *Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực môn Tiếng Việt*, GV định hướng HV khai thác các công cụ AI như Gamma (công cụ hỗ trợ thiết kế bài thuyết trình, tóm tắt tài liệu nhanh chóng), Prezi (công cụ tạo bài thuyết trình bằng nhiều hiệu ứng chuyển động trong cùng một trang trình bày [phóng to, thu nhỏ]), Kling AI (công cụ tạo ảnh, video từ các nội dung theo yêu cầu) để xây dựng các sản phẩm học thuật – nghề nghiệp phục vụ cho phân tích, phản tư và đổi mới hoạt động dạy học. Khác với SV, HV được giao các nhiệm vụ mang tính chuyên sâu như thiết kế kịch bản dạy học, mô hình hóa tiến trình bài học, hoặc trình bày các giải pháp xử lý tình huống sư phạm phức hợp trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Các sản phẩm được thể hiện dưới dạng slide học thuật, infographic phân tích, sơ đồ tiến trình hoặc poster học thuật, giúp HV hệ thống hóa tri thức, so sánh các cách tiếp cận phương pháp và trình bày quan điểm sư phạm của mình một cách trực quan và logic. Việc tích hợp AI trong quá trình thiết kế và trình bày không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn hỗ trợ HV phát triển năng lực sư phạm số, năng lực nghiên cứu – phản tư và khả năng ứng dụng công nghệ vào đổi mới dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Chúng tôi minh họa bằng chuyên đề *Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt vào thời điểm Chương 2. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật tích cực vào thiết kế hoạt động dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*. Yêu cầu: Ứng dụng một số công cụ AI để thiết kế 01 cuốn photobook với các yêu cầu:

Yêu cầu về nội dung	<p>Làm việc theo nhóm 5 thành viên, nghiên cứu và tìm hiểu: (1) Khái niệm; (2) Quy trình vận dụng; (3) Ưu điểm và hạn chế; (4) Khả năng vận dụng qua các ví dụ minh họa.</p> <p>Yêu cầu nhiệm vụ qua mỗi nhóm:</p> <p>Nhóm 1. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật tích cực vào thiết kế hoạt động dạy học đọc.</p> <p>Nhóm 2. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật tích cực vào thiết kế hoạt động dạy học viết.</p> <p>Nhóm 3. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật tích cực vào thiết kế hoạt động dạy học nói và nghe.</p> <p>Nhóm 4. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật tích cực vào thiết kế hoạt động dạy học từ và câu.</p> <p>Nhóm 5. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật tích cực vào thiết kế hoạt động ngoại khóa.</p>
Yêu cầu về hình thức sản phẩm và một số lưu ý	<p>- Phân công hình thức sản phẩm các nhóm:</p> <p>+ Nhóm 1 – 2: Poster (Kích thước A3)</p> <p>+ Nhóm 3 – 4: Infographic (bản đọc, kích thước A3)</p> <p>+ Nhóm 5: Slide</p> <p>- Sản phẩm cần ứng dụng các công cụ AI để thiết kế; đồng thời các nhóm phải xây dựng các bảng biểu, sơ đồ và hình ảnh minh họa phù hợp, kèm theo ghi chú và trích dẫn đầy đủ nguồn của tất cả hình ảnh, tài liệu tham khảo theo quy định học thuật.</p>
Công cụ AI gợi ý	<p>- Canva (lựa chọn hình thức sản phẩm, trang trí...)</p> <p>- Prezi (lựa chọn hình thức sản phẩm, trang trí...)</p> <p>- Kling AI (thiết kế hình ảnh hỗ trợ để trang trí)</p> <p>- Prepik (thiết kế hình ảnh hỗ trợ để trang trí)</p> <p>- Gamma (thiết kế slide báo cáo)</p> <p>- Padlet (công cụ lưu trữ, chia sẻ nguồn học liệu)</p>
Thời gian thực hiện và hoàn thành sản phẩm	01 tuần



Hình 3. Hướng dẫn truy cập, thiết kế và tiêu chí đánh giá sản phẩm

(2) Sử dụng công cụ tương tác Mentimeter trong hoạt động đào tạo HV ngành GDTH qua học phần *Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt*

Trong đào tạo HV ngành GDTH, việc sử dụng công cụ Mentimeter không chỉ nhằm tăng cường mức độ tham gia của người học mà còn hướng tới việc hình thành năng lực phân tích, phản tư và trao đổi học thuật trong bối cảnh dạy học Tiếng Việt. Khác với SV, HV thường đã có trải nghiệm thực tiễn sư phạm, vì vậy Mentimeter được khai thác như một phương tiện để kết nối tri thức lí luận với các vấn đề nghề nghiệp mà HV đang và sẽ đối diện trong thực tế dạy học. Trong chuyên đề *Phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt*, GV sử dụng Mentimeter để tổ chức các hoạt động khảo sát nhanh, thu thập quan điểm cá nhân và tổng hợp ý kiến chuyên môn của HV khi phân tích bài học, thảo luận phương án tổ chức hoạt động học tập, hoặc xử lí tình huống sư phạm. Các dữ liệu phản hồi được hiển thị trực tiếp dưới dạng biểu đồ, bảng xếp hạng hoặc đám mây từ khóa, tạo điều kiện cho HV quan sát bức tranh chung về cách tiếp cận vấn đề, từ đó so sánh, đối chiếu và điều chỉnh lập luận chuyên môn của bản thân. Việc đưa Mentimeter vào quá trình đào tạo HV không chỉ góp phần đổi mới hình thức tổ chức lớp học mà còn hỗ trợ phát triển năng lực giao tiếp học thuật, năng lực phản biện và năng lực sử dụng công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp. Thông qua việc tham gia và phân tích các kết quả phản hồi, HV từng bước hình thành kĩ năng khai thác dữ liệu học tập để phục vụ cho việc ra quyết định sư phạm, một năng lực quan trọng đối với GV tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- Quy trình đề xuất cách sử dụng:

Bước 1. Khảo sát nội dung, thời điểm giảng dạy của GV đối với chuyên đề. GV rà soát mục tiêu, nội dung và tiến trình dạy học của chuyên đề đào tạo HV *Phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt*, xác định các nội dung phù hợp để tổ chức hoạt động tương tác số. Việc khảo sát giúp GV lựa chọn thời điểm sử dụng Mentimeter hợp lí, bảo đảm công cụ được vận dụng gắn với mục tiêu dạy học và yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp của HV.

Bước 2. Thiết kế các yêu cầu, thời điểm thảo luận (đầu, giữa, cuối tiết học) đối với HV. Trên cơ sở nội dung bài học, GV xây dựng các câu hỏi, nhiệm vụ hoặc tình huống sư phạm phù hợp để HV thảo luận và phản hồi thông qua Mentimeter. Các yêu cầu được thiết kế theo hướng khuyến khích người học bày tỏ quan điểm cá nhân, đề xuất phương án xử lí tình huống dạy học môn Tiếng Việt về hoạt động học tập, qua đó phát triển tư duy sư phạm và năng lực giao tiếp chuyên môn.

Bước 3. Thiết kế hệ thống Mentimeter. GV lựa chọn và thiết kế các dạng câu hỏi phù hợp trên Mentimeter như trắc nghiệm, câu hỏi mở, đám mây từ khóa hoặc khảo sát nhanh. Hệ thống câu hỏi được xây dựng ngắn gọn, rõ ràng, bám sát mục tiêu bài học, đồng thời khai thác ưu thế hiển thị trực quan của công cụ nhằm hỗ trợ việc tổng hợp, so sánh và phân tích ý kiến của HV.

Bước 4. Ứng dụng vào bài dạy. GV tổ chức cho người học tham gia trả lời và thảo luận thông qua Mentimeter bằng các thiết bị cá nhân. Kết quả phản hồi được trình chiếu trực

tiếp, tạo điều kiện để GV điều phối thảo luận, nhận xét, bổ sung và định hướng kiến thức. Từ quy trình đề xuất, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm qua chuyên đề *Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt* với thời điểm giảng dạy (Hệ thống kỹ thuật dạy học tích cực vận dụng trong rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe) thuộc *Chương 1. Những vấn đề chung về phương pháp và kỹ thuật dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*. Cụ thể cách thiết kế và tổ chức như sau:

Thời điểm tổ chức	Nội dung
- Hoạt động: Hỏi đáp nhanh đầu tiết học - Hình thức Mentimeter: Từ khóa	Câu hỏi 1: Anh/Chị hiểu như thế nào về phương pháp và kỹ thuật DH trong môn Tiếng Việt ở tiểu học? Câu hỏi 2: Chọn một kỹ năng (đọc, viết, nói và nghe) và nêu các phương pháp hoặc kỹ thuật dạy học tiêu biểu dùng để phát triển kỹ năng đó trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học?
- Hoạt động: Thảo luận, trao đổi - Hình thức Mentimeter: Hệ thống câu hỏi – trả lời (select answer). Xem mã QR dưới đây để truy cập vào link hệ thống:	Câu hỏi: Để đảm bảo việc lựa chọn phù hợp và hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật dạy học trong môn Tiếng Việt, GV cần đưa ra những định hướng và nguyên tắc lựa chọn nào? (Sử dụng kỹ thuật Chia sẻ cặp đôi trao đổi câu hỏi và đăng tải câu trả lời của nhóm lên hệ thống Mentimeter)



4. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục và sự phát triển nhanh chóng của AI, việc vận dụng các công cụ AI vào đào tạo SV và HV ngành GDTH là một định hướng phù hợp và có ý nghĩa thực tiễn rõ rệt trong việc nâng cao chất lượng hình thành năng lực nghề nghiệp và năng lực số cho đội ngũ GV tương lai và GV đang phát triển chuyên môn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi được tổ chức theo một quy trình sư phạm chặt chẽ và gắn với mục tiêu của từng học phần, AI có thể hỗ trợ hiệu quả người học trong việc thiết kế học liệu, phân tích bài học, xử lý tình huống sư phạm, cũng như tăng cường tương tác và hoạt động phản tư trong quá trình học tập. Việc vận dụng các công cụ AI để thiết kế sản phẩm học tập như poster, infographic, photobook, bài thuyết trình và sử dụng các công cụ tương tác số như Mentimeter không chỉ làm phong phú hình thức tổ chức dạy học mà còn góp phần hình thành và phát triển tư duy sư phạm số cho cả SV và HV. Thông qua trải nghiệm trực tiếp với AI trong các nhiệm vụ học tập và thực hành nghề nghiệp, người học từng bước hình thành khả năng lựa chọn, khai thác và kiểm soát công nghệ một cách có định hướng sư phạm, phù hợp với đặc thù dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Politburo. (2019). *Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết số 52-NQ/TW-BCT ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị)* [Several guidelines and policies for proactive participation in the Fourth Industrial Revolution (Resolution No.52-NQ/TW-BCT dated September 27, 2019, by the Politburo)].
- Politburo. (2024). *Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị)* [Breakthroughs in the development of science, technology, innovation, and national digital transformation (Resolution No.57-NQ/TW-BCT dated December 22, 2024, by the Politburo)].
- Ministry of Education and Training. (2025). *Quy định năng lực số cho người học (Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* [Digital competency standards for learners (Issued under circular No.02/2025/TT-BGDĐT dated January 24, 2025, by the Minister of Education and Training)].
- Nguyen, H. T., & Pham, M. Q. (2022). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập ngôn ngữ: Cơ hội và thách thức đối với giáo dục tiểu học [Applications of artificial intelligence in language learning: Opportunities and challenges for primary education]. *Journal of Educational Technology and Innovation*, 15(2), 45–57.
- Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). *Intelligence Unleashed: An Argument for AI in Education*. Pearson Education.
- UNESCO. (2019). *Beijing Consensus on Artificial Intelligence and Education*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000368303>
- UNESCO. (2021). *Recommendation on the ethics of artificial intelligence*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381137>
- UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000386693>

**APPLYING ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN PRIMARY TEACHER EDUCATION:
EVIDENCE FROM VIETNAMESE LANGUAGE TEACHING METHODOLOGY COURSES****Trinh Cam Ly***Ho Chi Minh City Department of Education and Training, Vietnam**Corresponding author: Trinh Cam Ly – Email: tcly180678@gmail.com**Received: January 21, 2026; Revised: February 10, 2026; Accepted: February 27, 2026***ABSTRACT**

In recent years, the rapid development of artificial intelligence, together with the digitalization of education, has brought about profound changes in teacher education. For undergraduate and graduate students majoring in Primary Education, particularly in Vietnamese Language Teaching Methodology courses, access to and application of AI not only support innovation in instructional practices but also contribute to the formation and development of professional competencies associated with digital competence. This paper focuses on clarifying the theoretical foundations of artificial intelligence. It also proposes several approaches to applying AI in organizing learning activities and professional practice through the design of learning products such as posters, photobooks, infographics, and slides with the support of AI tools, including Canva, Prepik, Prezi, Kling AI, and Mentimeter. These applications help enhance learning experiences, promote the development of digital competence, and improve students' ability to apply technology in the teaching and study of Vietnamese at the primary level.

Keywords: artificial intelligence; Primary Education; Vietnamese Language